

Phẩm 4: TỨ ĐẾ

Bốn môn giống như trước.

1) Phân rõ tên gọi, Tứ là số đếm, Đế là hữu tác-vô tác vốn là Thánh đế chân thật.

2) Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Bởi vì trước đây ca ngợi về Hóa chủ, nay ca ngợi về giáo pháp đã thuyết ra. Vì sao chỉ trình bày ở Hội này? Bởi vì đây là bắt đầu phát khởi giáo hóa, cho nên tổng quát ca ngợi nhân pháp sâu xa thù thắng.

3) Phân rõ về Tông, đây là ca ngợi giáo pháp chân thật vô cùng sâu xa làm Tông.

4) Phân văn giải thích, văn này phân ba:

a) Sơ lược nêu ra tên gọi ba ngàn Đế ở phương này;

b) Nêu ra ba ngàn Tứ đế trong mười phương;

c) Từ “Phật tử như thử Ta-bà...” trở xuống mở rộng phân rõ về vô biên thế giới. Tất cả Tứ đế có hai: Hữu tác và Vô tác. Văn trong này ý chung chỉ là Vô tác, chân thật không hư dối.

Hỏi: Vì sao không dựa vào một Đế mà dựa vào bốn Đế để thiết lập phép tắc?

Đáp: Bởi vì tất cả làm cảnh thấy nghe cho người ba Thừa thành tựu duyên nhập đạo sau khi phát khởi niềm tin. Nhưng cũng có thể là pháp này gồm chung Hữu tác và Vô tác, bởi vì là cộng giáo của Nhất thừa, Nhất thừa Hữu tác tức là Không, Nhất thừa Vô tác không phải Không. Điều này đáng suy nghĩ. Sở dĩ Văn Thù thuyết ra là bởi vì diệu tuệ khéo léo thông đạt về thật-hư. Nghĩa về Tứ đế xong.

Phẩm 5: QUANG MINH GIÁC

Bốn môn giống như trước.

1) Phân rõ về tên gọi, Như Lai tức là Hóa chủ, Quang là Thể của trí, Minh là Dụng, Giác là mở ra rõ ràng đối với duyên mà thôi, đồng thời giác ngộ cho các Bồ-tát.

2) Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Bởi vì cần phải nói ra, quy tụ chúng có duyên và hiển bày về phạm vi của pháp.

3) Phân rõ về Tông, Tông là quy tụ chúng cùng pháp, cũng hiển bày về pháp thêm sâu xa, nhân pháp và Thể-Tướng-Dụng chính xác.

4) Phân văn giải thích, ba phẩm trên đây cùng nối thông xuống Hội thứ sáu về sau, thêm sâu xa có khác mà văn giới hạn nhưng nghĩa nối thông, nên suy nghĩ chính xác.

Văn này có mười, văn phần một phân sáu: Một, hai chân Phật phát ra ánh sáng; hai, trình bày về nơi ánh sáng đã chiếu đến, đó là pháp vốn có sinh ra nhân quả của ba ngàn thế giới này đều có hai văn; ba, kết luận về phạm vi; bốn, do thần lực của Phật cho nên thấy các Bồ-tát đến quy tụ có hai, đầu là rỗng quát, sau là riêng biệt, phần riêng biệt có ba văn là Bồ-tát-cõi và Phật; năm, Văn Thù nói kệ ca ngợi Nhất thừa của Phật, pháp Tiểu thừa-ba Thừa là phương tiện để tin pháp Nhất thừa; sáu, từ “Như thử xứ...” trở xuống là kết luận tương tự các phương khác. Chín phần còn lại giống như vậy, tóm lược không có phần văn kết luận. Vì vậy phân tích về ánh sáng phát ra và ẩn kín ở các Hội giống-khác, thì Hội thứ nhất phát ra ánh sáng có mười ý như văn, tức là bắt đầu chứng pháp. Đầu phẩm Danh Hiệu là thần lực quy tụ chúng hiển bày về tướng của phần vị ấy, đầu phẩm Quang Minh Giác là ánh sáng tương vòng tròn hiển bày phạm vi của pháp sở y ở phần vị Tín. Tiếp theo thần lực của Phật quy tụ chúng hiển bày về đức đã thành tựu trong phần vị ấy, trong kinh này nói thần lực, không hẳn là phát ra ánh sáng. Tiếp theo Bồ-tát nói kệ, tức là trình bày về phạm vi của pháp lý-sự đã hiểu trong Hội này, pháp này dựa vào phần vị thành tựu mà thôi.

Hỏi: Nơi này hiển bày phần vị quy tụ chúng, vì sao trình bày ở phẩm khác, bốn Hội sau không như vậy?

Đáp: Bởi vì muốn hiển bày do thâm nhiếp giáo hóa mà dựa vào cõi Phật, và hiển bày về giáo nghĩa chân thật tiến vào phần vị ấy, cùng làm phép tắc cho phần vị sau, cho nên như vậy. Chân Phật phát ra ánh sáng tương vòng tròn bởi vì nêu rõ Thập Tín là hạnh đầy đủ trọn vẹn. Trong này phạm vi phát ra ánh sáng có hai mươi lăm lần, chín lần đầu

nêu ra riêng biệt, còn lại là tổng kết, văn tướng như kinh.

Văn thứ hai phân rõ về ánh sáng chiếu soi hiện rõ có thể biết.

Trong văn thứ tư sở dĩ Văn Thù ở trước, Hiền Thủ ở sau là bởi vì biểu thị trí là trước mà phước sau, lại bởi vì trình bày trước là trí hành-sau là phần vị. Văn Thù ở Trung Hoa nói là Diệu Đức, là Diệu Tuệ Hạnh. Lại trong này Quang Minh Giác ở cùng một lúc, mà có thể thấy chúng xa gần riêng biệt. Lại các phương vận dụng quy tụ chỉ là một người mà khiến cho chúng thấy khác nhau, chưa hẳn là có nhiều. Lại chúng các phương qua lại chỉ thấy chúng quy tụ nơi này, chưa hẳn là thấy chúng phương khác qua lại. Lại ánh sáng các phương và hiện rõ chúng ở tất cả mười phương đều thấy ở chính giữa, không thấy ở một bên, đây là bởi vì pháp của Báo thân thâm nhiếp giáo hóa ở cõi vốn có. Lại cũng ở trước căn cơ tự biến hiện nơi ấy, lấy tự tâm làm căn bản, cho nên các việc tùy tâm làm hóa hiện chính thức thì không có tướng riêng biệt này, điều này đáng suy nghĩ.

Văn kệ tụng thứ năm là lời Bồ-tát Văn Thù nói ra, mà ý biểu thị về mười Bồ-tát khác. Sở dĩ Bồ-tát Văn Thù nói là bởi vì nêu rõ pháp từ Tuệ sinh ra, kệ nói tổng quát trình bày về Bát-nhã đã chứng, chân tánh giống như hành của Địa thứ nhất, nhưng cũng bởi vì có thể cùng từ từ tăng nhiều, cho nên không có thể biểu thị riêng về Thập địa và tụng của mười Bồ-tát. Vả lại, mười tên gọi cũng hiển bày về số đầy đủ, dần dần nhiều lên và xa hơn là hiển bày về pháp dần dần sâu hơn mà thôi.

Toàn phần có ba: Một, một kệ phân rõ về chấp tướng không hợp với chân pháp; hai, có tám kệ phân rõ về lìa chấp hợp với thật pháp; ba, một kệ ca ngợi về hiểu biết có công năng thù thắng. Trong tám kệ: Ba kệ đầu phân rõ về phân biệt Vô tánh, tiếp theo ba kệ phân rõ dựa vào nơi khác không sinh, tiếp theo hai kệ là chân thật lìa tướng, cũng có thể tám hành cùng quán dựa vào một cảnh. Nhưng nay phân rõ về tướng tăng lên, dựa theo nhân quả đều có hai loại, một là chiều dọc, hai là chiều ngang. Nhân chiều dọc là dựa theo pháp trong sáng, chiều ngang tức là biết pháp rộng hẹp; quả chiều dọc tức là phần mình chứ không phải là phần khác, quả chiều ngang thì nơi đạt được nhiều ít. Nhưng về sau các chúng quy tụ ca ngợi đức đều là ca ngợi phạm vi của phần vị lúc ấy, đã thành tựu thấy biết về sau có thể dựa theo đó.

Thứ hai là văn kệ của Bồ-tát Giác Thủ, từ đây xuống dưới chín kệ tăng lên là khác nhau mà thôi. Toàn bộ trình bày về biết rõ thiện ác..., Từ Bi hóa độ lợi ích chúng sinh, giống như giới hành của Địa thứ hai. Văn phân làm hai: Một, sáu kệ trình bày về Phật giác ngộ chúng sinh

khiến cho lia hai bên; hai, có bốn kệ trình bày về lợi ích Bồ-tát giống như Phật.

Thứ ba là kệ của Bồ-tát Tài Thủ tổng quát phân rõ về pháp tài bình đẳng giúp đỡ thành tựu lợi ích cho vật, giống như Địa thứ ba, sau trí dùng giáo pháp lưu truyền lợi ích chúng sinh. Trong văn một kệ đầu trình bày về tánh đức của Phật có thể lợi ích chúng sinh không ngăn ngại, tiếp theo chín kệ phân rõ về biến hiện tám tướng, chính thức nói về Pháp thân.

Thứ tư là kệ của Bồ-tát Bảo Thủ giống như nghĩa không có thâm nhiếp của Địa thứ tư, lúc này tuy chưa đạt được nhưng có thấy hiểu. Trong văn kệ có ba, năm kệ đầu trình bày về Phật thành tựu sự không thâm nhiếp ấy, tiếp theo bốn kệ như mình đã hiểu làm lợi ích cho chúng sinh, tiếp theo một kệ ví dụ để hiển bày thanh tịnh.

Thứ năm là kệ của Bồ-tát Đức Thủ giống như nghĩa nối tiếp nhau không khác trong Địa thứ năm, trình bày không trú vào đạo Từ Bi lợi ích chúng sinh. Trong văn kệ có ba, năm kệ đầu phân rõ Bồ-tát Từ Bi không trú vào đạo, tiếp theo một kệ chính thức quán về nghĩa nối tiếp nhau không khác, tiếp theo bốn kệ phân rõ làm cho người khác thành tựu cảnh thanh tịnh chân thật. Văn còn có mười bình đẳng thanh tịnh, một hành là một nghĩa có thể biết.

Thứ sáu là kệ của Bồ-tát Mục Thủ giống như nghĩa không có nhiễm tịnh của Địa thứ sáu. Trong văn kệ có mười bảy phân làm bốn: Hai kệ đầu phân rõ bởi vì chấp thủ cho nên không thấy Chân Phật, tức là phân rõ về mất mát; tiếp theo bốn kệ là thành tựu trí Như Lượng thấy được Báo Phật, đây tức là đức mà thôi; tiếp theo sáu kệ phân rõ đạt được trí Chánh Thể thấy Pháp thân; tiếp theo năm kệ trình bày về pháp sâu xa hiển bày phạm vi của hiểu biết. Nhưng trong này trên dưới có hai văn giống-khác, một là nhiều trong một, cho nên trong một số thấy mười, một trong nhiều cho nên trong mười số thấy một. Vả lại, một chính là nhiều thì một số tức là nhiều mà không thấy một, nhiều chính là một thì nhiều số tức là một mà không thấy nhiều, điều này nên chính xác. Lại ngay nơi sự phân rõ về một nhiều, hai sự khác nhau phân rõ về một nhiều, nên suy nghĩ.

Thứ bảy là kệ của Bồ-tát Tiến Thủ giống như nghĩa các loại pháp không có sai khác trong Địa thứ bảy, trong văn kệ có ba: Sáu kệ đầu phân rõ trí phương tiện trong Không, hành thù thắng trong Hữu, tức là ca ngợi về đức; tiếp theo mười kệ khuyến khích quán Thật tánh hiển bày nghi thức phương pháp hiểu biết; tiếp theo bốn kệ trình bày đối với

hai cảnh Lý-Lượng tiến vào đạt được pháp thù thắng.

Thứ tám là kệ của Bồ-tát Pháp Thủ giống như nghĩa pháp giới không có thêm bớt của Địa thứ tám, trong văn hai kệ đầu trình bày về Phật thành tựu lý trí cho nên có thể diệt trừ chướng ngại, tiếp theo sáu kệ ca ngợi về lợi ích từ pháp sâu xa của Phật, tiếp theo mười hai kệ khuyến khích lực dụng thâm nhiếp quả tánh của ba đời. Hợp hai kệ làm một đôi, một đôi đầu là phân rõ trí tiến vào pháp, tiếp theo một đôi là kết luận thành tựu công dụng của trí, nhưng văn trường hàng phân làm mười mà thôi, ngoài tức là Tịnh độ thâm nhiếp chúng sinh, trong thì thành tựu thật pháp của mình.

Thứ chín là pháp môn của Bồ-tát Trí Thủ giống như Địa thứ chín trình bày về trí tự tại Đại Bi làm lợi ích cho người. Trong văn kệ, hai kệ đầu phân rõ về ý nghiệp, tiếp theo mười sáu kệ trình bày về khẩu nghiệp, tiếp theo hai kệ phân rõ về đạt được pháp vô ngại cho nên Đại dụng vô ngại. Lại nữa, hai kệ đầu là tổng quát, tiếp theo là mở rộng ca ngợi về tướng của Dụng.

Thứ mười là kệ của Bồ-tát Hiền Thủ giống như dụng sau trí trong nghiệp tự tại của Địa thứ mười. Trong văn kệ, mười bốn kệ đầu là chính thức phân rõ về nghiệp tự tại, tiếp theo sáu kệ là nói ví dụ. Trong mười bốn kệ, năm kệ đầu trình bày về quán Thật tánh đạt được nhân của Ý quả, tiếp theo chín kệ trình bày về quán nghiệp tự tại cho nên đạt được nhân của Chánh quả. Trong văn năm kệ đầu, hai kệ là Thể của hành, ba kệ là Dụng của hành. Trong văn chín kệ phân bốn, ba kệ đầu trình bày thuận theo quán Chân như cho nên đạt được quả Bồ-đề, tiếp theo hai kệ tu quán về sự cho nên đạt được quả của Pháp thân, tiếp theo hai kệ tu về Từ Bi cho nên đạt được quả của Hóa thân, tiếp theo hai kệ là từ Phật nghe pháp cho nên đạt được quả của Báo thân. Phẩm này trả lời câu hỏi thứ tám về thế lực công đức của Phật và câu hỏi thứ mười về thị hiện thành Chánh giác trước đây.

Hỏi: Vì sao quy tụ chúng dựa theo Quang Minh Giác tăng lên?

Đáp: Bởi vì biểu hiện pháp có cạn sâu, hành có thêm vi tế.

Văn này làm quy phạm cho văn sau. Nay sơ lược phân các phần vị ra làm hai mươi hai môn: Nhân quả của sáu đường tức là sáu môn; nhân quả của hai hàng Thanh văn và Bích-chi, nói chung lại làm hai môn; Thanh văn và Bích-chi dựa vào Phật, vì hai căn cơ ấy mà nói về giáo Tứ đế và giáo Thập nhị nhân duyên, thì phần của Phật gồm chung nhân và quả, lại làm hai môn; Thanh văn và Duyên giác hồi tâm tiến vào Đại thừa, ở nơi giáo ban đầu, gồm chung nhân và quả, lại làm hai môn;

Bồ-tát mới phát tâm thẳng tiến gồm chung nhân và quả, lại làm một môn; giáo thẳng tiến thuần thực và giáo hồi tâm thuần thực gồm chung nhân và quả, lại làm một môn; nhân quả Đốn giáo lại làm một môn; từ Thanh văn ngu pháp tổng quát thấu nhiếp các phần vị từ Càn Tuệ địa trở lên Bồ-tát và Phật, lại làm một môn; trong phần vị Phổ Hiền từ Tín trở lên cho đến Thập Địa, đều gồm chung nhân quả, Bồ-tát và Phật lại làm năm môn. Đây là dựa vào Phổ Hiền trong A-hàm mà nói.
